

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC SENIOR**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GIÁO DỤC SENIOR

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SENIOR INVESTMENT EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109260172

**3. Ngày thành lập:** 09/07/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Biệt thự G31, làng quốc tế Thăng Long, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                     | Mã ngành |
|-----|-------------------------------|----------|
| 1.  | Giáo dục nhà trẻ              | 8511     |
| 2.  | Giáo dục mẫu giáo             | 8512     |
| 3.  | Giáo dục tiểu học             | 8521     |
| 4.  | Giáo dục trung học cơ sở      | 8522     |
| 5.  | Giáo dục trung học phổ thông  | 8523     |
| 6.  | Đào tạo sơ cấp                | 8531     |
| 7.  | Đào tạo trung cấp             | 8532     |
| 8.  | Đào tạo cao đẳng              | 8533     |
| 9.  | Đào tạo đại học               | 8541     |
| 10. | Đào tạo thạc sỹ               | 8542     |
| 11. | Đào tạo tiến sỹ               | 8543     |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí | 8551     |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật   | 8552     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | <p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;</li> <li>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);</li> <li>- Giáo dục dự bị;</li> <li>- Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém;</li> <li>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;</li> <li>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;</li> <li>- Đào tạo tự vệ;</li> <li>- Đào tạo về sự sống;</li> <li>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;</li> <li>- Dạy máy tính</li> </ul> | 8559(Chính) |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8560        |
| 16. | <p>Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Đại lý bán hàng hóa</p> <p>Môi giới mua bán hàng hóa</p> <p>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610        |
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4651        |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4652        |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4659        |
| 21. | <p>Bán buôn tổng hợp</p> <p>(Trừ loại nhà nước cấm)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4759        |
| 23. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4773        |
| 24. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8299        |
| 25. | <p>Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ</p> <p>(Trừ Thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7490        |

|     |                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 26. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>(trừ Trung tâm dịch vụ việc làm) | 7810 |
| 27. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                        | 7820 |
| 28. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                     | 7830 |

**6. Vốn điều lệ:** 4.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HỒ VĂN SINH | Thôn Lâm Yên, Xã Đại Minh, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông         | 225.000    | 2.250.000.000         | 50,000    | 205447469                                                                                   |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |             |                                                                                      | Tổng số                   | 225.000    | 2.250.000.000         | 50,000    |                                                                                             |         |

|   |                 |                                                                           |                           |         |               |        |           |
|---|-----------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|-----------|
| 2 | TRẦN THỊ THẢO   | Xóm Tân Văn, Xã Kim Mỹ, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam           | Cổ phần phổ thông         | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 | 164548975 |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Tổng số                   | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 |           |
| 3 | NGUYỄN THANH LY | Thôn Quỳnh Đô, Xã Vĩnh Quỳnh, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 | 112122109 |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |           |
|   |                 |                                                                           | Tổng số                   | 112.500 | 1.125.000.000 | 25,000 |           |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN THỊ THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 05/03/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 164548975

Ngày cấp: 16/03/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Tân Văn, Xã Kim Mỹ, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Tân Văn, Xã Kim Mỹ, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội